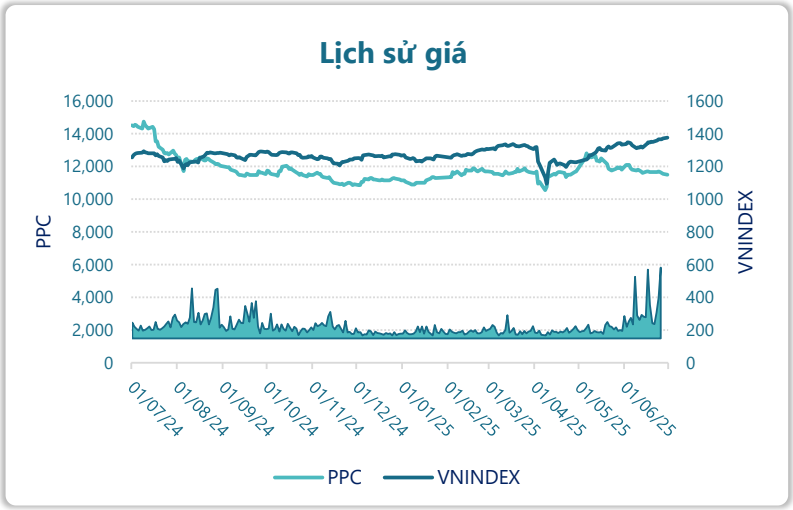
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,742
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,550
SL cổ phiếu LH	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390,805
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,687
P/E	15.9
EPS	721

DT thuần

Q2/25

1,940

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 404| 26.3%

YoY: ▼529| -21.4%

LN sau thuế

Q2/25

6.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▼46.2| -88.4%

YoY: ▼87.7| -93.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.4%

+/- YoY: ▼ 4.2%

DT thuần

6T 2025

3,476

tỷ VNĐ

YoY: ▼989| -22.1%

LN sau thuế

6T 2025

58.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼193| -76.7%

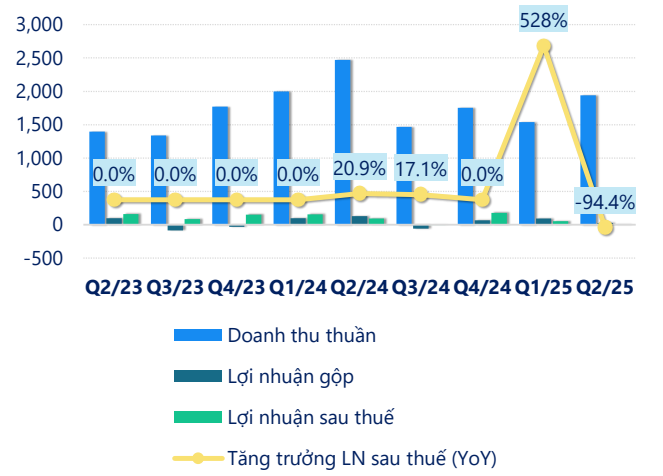
ROE

Q2/25

5.1%

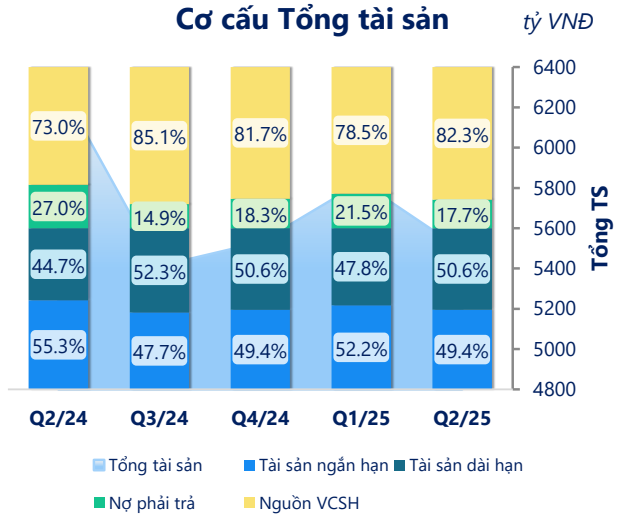
+/- YoY: ▼ 4.9%

Kết quả kinh doanh



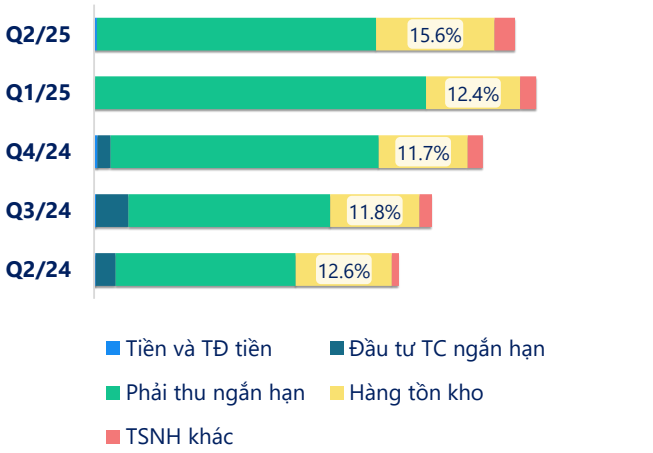
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



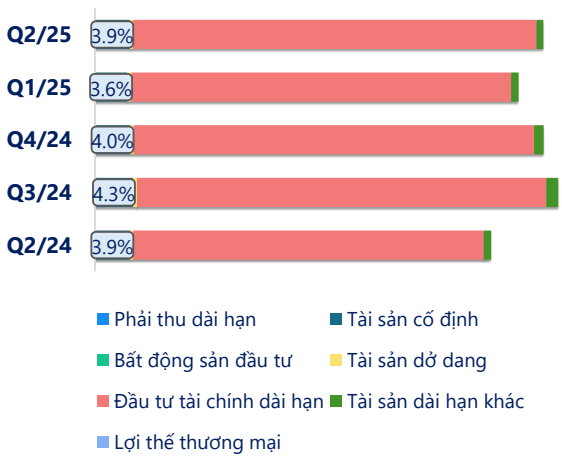
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



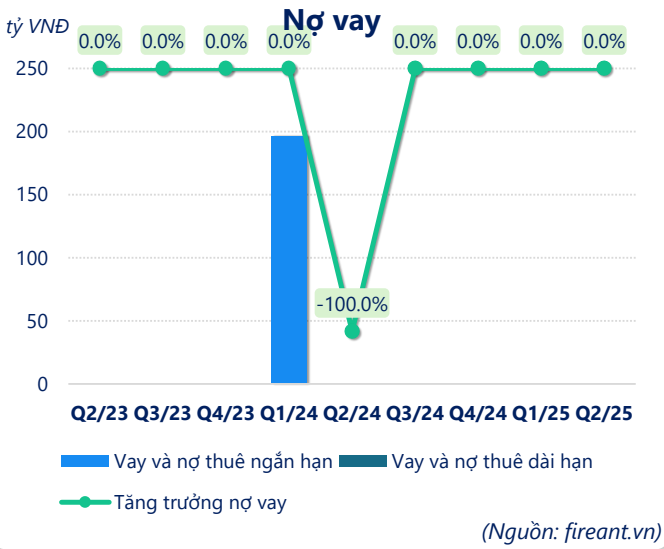
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



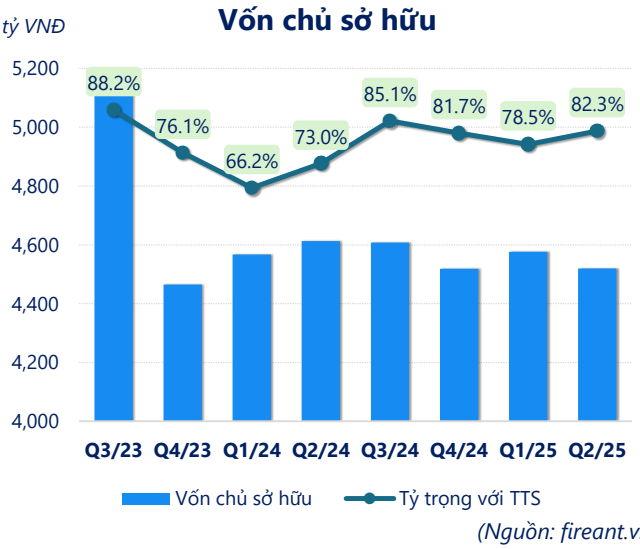
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



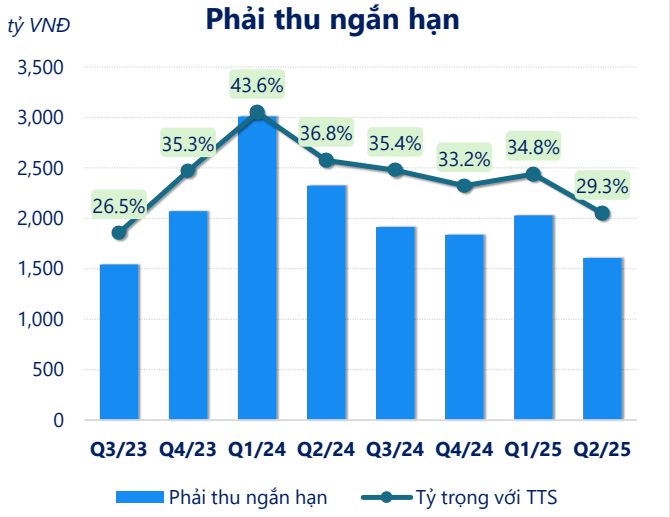
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



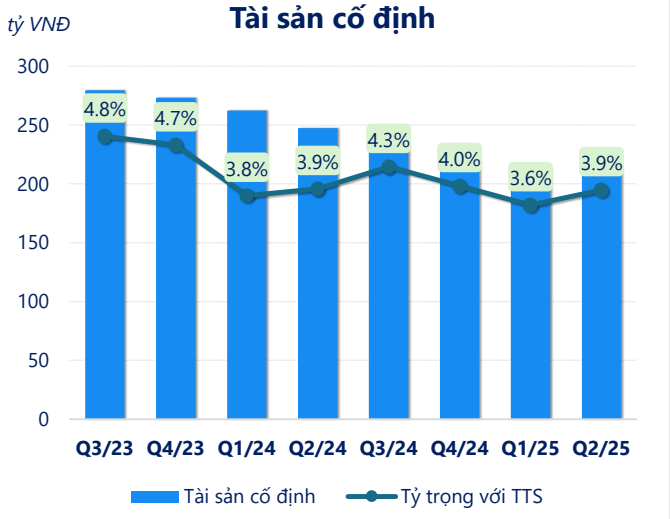
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



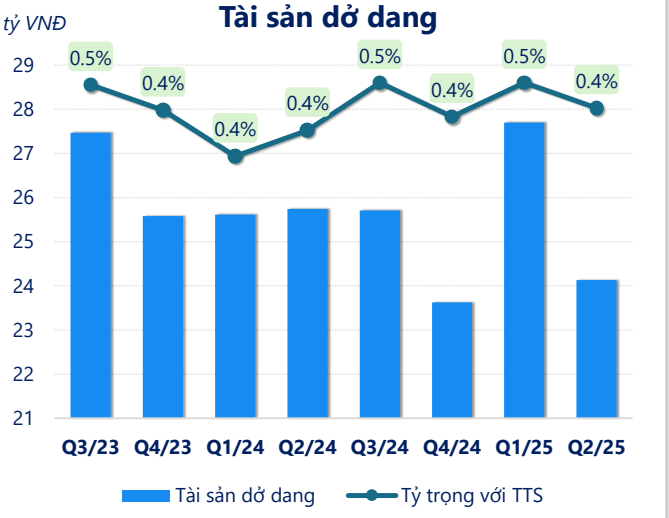
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



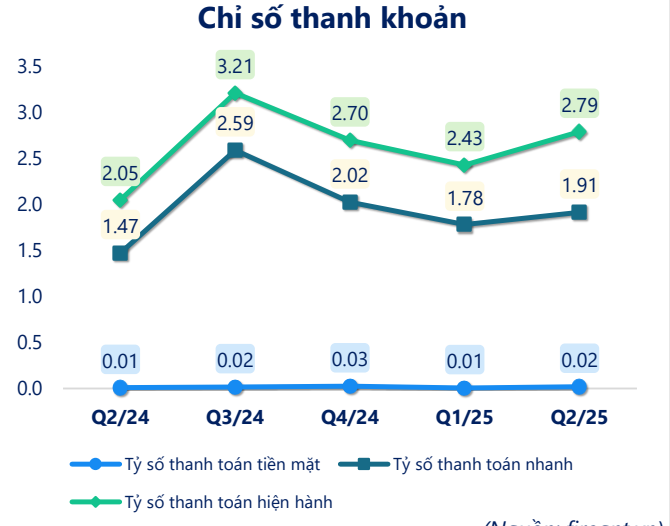
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



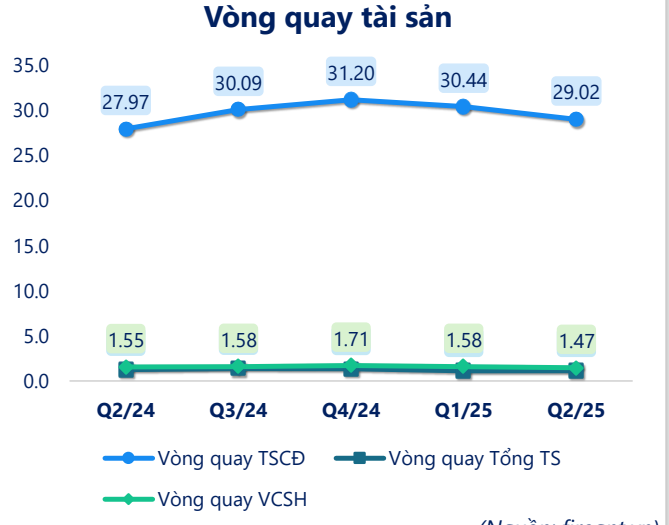
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,316**	**5,412**	**5,531**	**5,829**	**5,492**
Tài sản ngắn hạn	**3,492**	**2,584**	**2,730**	**3,042**	**2,713**
Tiền và tương đương tiền	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2,323	1,915	1,837	2,030	1,608
Hàng tồn kho	984	500	682	811	853
Tài sản ngắn hạn khác	172	156	186	194	233
Tài sản dài hạn	**2,823**	**2,828**	**2,801**	**2,787**	**2,779**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	247	232	219	212	214
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.7	25.7	23.6	27.7	24.1
Đầu tư tài chính dài hạn	2,499	2,499	2,497	2,497	2,497
Tài sản dài hạn khác	51.8	71.5	60.5	50.0	43.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,703**	**805**	**1,012**	**1,252**	**972**
Nợ ngắn hạn	**1,703**	**805**	**1,012**	**1,252**	**972**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1,144	580	799	1,176	733
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,613**	**4,608**	**4,519**	**4,577**	**4,520**
Vốn chủ sở hữu	**4,613**	**4,608**	**4,519**	**4,577**	**4,520**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	3,262	3,262	3,262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)